TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 143/2019/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 17 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 177/2019/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: anh Danh Si N, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: chị Thạch Thị Ngọc G, sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Danh Si N, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng với chị Thạch Thị Ngọc G, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh Danh Si N và chị Thạch Thị Ngọc G tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung tên*: Danh Thạch Tố Q, sinh ngày 29/12/2011 hiện con đang sống chung với chị G, tại phiên hòa giải nguyện vọng của cháu Q muốn được sống với chị G. Anh Si N và chị G tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như

sau: chị Thạch Thị Ngọc G được quyền nuôi dưỡng con tên Danh Thạch Tố Q, sinh ngày 29/12/2011.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Danh Si N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cấp dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Tại phiên hòa giải anh Si N và chị G tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Tại phiên hòa giải anh Si N và chị G cho rằng không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí*: Anh Danh Si N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà anh Si N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0003651 ngày 30/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Danh Si N đã nộp đủ án phí, chị Thạch Thị Ngọc G không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh

Nơi nhận:
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*